

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Long

Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2024/QĐ-ST ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/5/1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã X, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang làm việc tại nước ngoài, hiện đang về nước thăm gia đình.

Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho chị Hoàng Thị H, sinh năm 2001; Địa chỉ: khu đô thị N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án. (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 27/3/1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã X, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh Q được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày ngày 16/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2021 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân và bỏ mặc cuộc sống của nhau.

Tháng 3/2022 chị sang Philippines lao động. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 13/8/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh Q nên sau ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh Q trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân như chị N trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn anh, anh đồng ý. Anh cũng đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 13/8/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị giao con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh Q vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai chị N, anh Q và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử;

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 13/8/2018 cho anh Nguyễn Mạnh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh Q và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại công văn số 4223/QLXNC ngày 27/12/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Giang xác định chị N xuất nhập cảnh nhiều lần, lần nhập cảnh gần nhất ngày 22/11/2024 nên có căn cứ xác định chị N là nguyên đơn hiện đang lao động tại nước ngoài, anh Q là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Mạnh Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N với anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N, anh Q chung sống hòa thuận nhưng sau khi chung sống cùng nhau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Tại bản tự khai chị N, anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã lâu, ai có cuộc sống riêng của người đó và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị N, anh Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Q phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị N, anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 13/8/2018. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng anh Q. Sau khi ly hôn chị N, anh Q đều đề nghị giao con chung cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung anh Q trực tiếp, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Chị N hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác anh Q, chị N đều thống nhất giao con cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Ngoài ra, cháu K hiện vẫn đang sinh sống cùng anh Q và được anh Q chăm sóc đầy đủ, chu đáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N, anh Q về việc giao anh Q là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị N, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở Việt Nam nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147,

Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 13/8/2018 cho anh Nguyễn Mạnh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000226 ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Mạnh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã X, thị xã V, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền